



DOI:10.22144/ctu.jsi.2019.117

PHÁT TRIỂN DU LỊCH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TẠI TRUNG TÂM NÔNG NGHIỆP MÙA XUÂN VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN LUNG NGỌC HOÀNG

Ngô Thị Thanh Trúc* và Trần Minh Quân

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Ngô Thị Thanh Trúc (email: nttruc@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 03/07/2019

Ngày nhận bài sửa: 23/08/2019

Ngày duyệt đăng: 15/10/2019

Title:

Developing educational tourism for students in the Mua Xuan Agricultural Center and Lung Ngoc Hoang Nature Reserve

Từ khóa:

Du lịch học tập, Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, Trung tâm Nông nghiệp Mùa xuân

Keywords:

Education tourism, Lung Ngoc Hoang Nature Reserve, Mua Xuan Agricultural Center

ABSTRACT

This study is aimed to identify the factors influencing students' intention to participate in educational tours designed for students in Can Tho University at Lung Ngoc Hoang Nature Reserve and Mua Xuan Agricultural Center by Cronbach's Alpha test and Principle Component Analysis and Binary Logit model. The results of 330 student interviews show that 76% of them intended to participate in designed educational tours. Factors affecting their intention to participate in designed tours are characteristics of students (major, course (second- and third-year students prefer to participate educational tours to last year students), cumulative grade and income), attraction and safety of tourism sites, motivation and perception on educational tourism and economic factors. This study will contribute practical contribution in designing tourists' activities at two sites, especially targeting to students who experience both pure and educational tourism.

TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định tham gia các tour du lịch học tập thiết kế cho sinh viên Trường Đại học Cần Thơ tại Trung tâm Nông nghiệp (TTNN) Mùa Xuân và Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Lung Ngọc Hoàng bằng kiểm định hệ số Cronbach's Alpha và phân tích thành phần chính (Principle Component Analysis) và mô hình Binary Logistic. Kết quả phân tích 330 phiếu điều tra sinh viên cho thấy 76% sinh viên có ý định tham gia tour du lịch học tập. Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia tour du lịch học tập của sinh viên tại TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng gồm đặc điểm của sinh viên (ngành học, khóa học, học lực và thu nhập) và các nhóm yếu tố về đặc điểm thu hút và an toàn của điểm đến, nhận thức và động cơ của sinh viên về du lịch học tập và yếu tố về kinh tế. Kết quả nghiên cứu này đóng góp thiết thực vào việc thiết kế hoạt động khai thác du lịch của hai điểm đến, đặc biệt dành riêng cho đối tượng sinh viên kết hợp du lịch với hoạt động học tập trải nghiệm.

Trích dẫn: Ngô Thị Thanh Trúc và Trần Minh Quân, 2019. Phát triển du lịch học tập của sinh viên tại Trung tâm Nông nghiệp Mùa xuân và Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu)(1): 102-108.

1 GIỚI THIỆU

Giáo dục và du lịch như một ngành công nghiệp, có những bước phát triển không ngừng trong điều kiện phát triển kinh tế xã hội (Ritchie, 2003). Giáo dục gắn liền với thực tiễn là hình thức giáo dục được đề xuất và hướng đến của các cơ sở đào tạo. Du lịch học tập là hình thức trong đó người tham gia du lịch đến một địa điểm cụ thể với mục đích là học tập những kiến thức liên quan đến điểm đến, bao gồm du lịch sinh thái, du lịch di sản, du lịch nông thôn/nông trại, trao đổi sinh viên (Ritchie, 2003; Bhuiyan *et al.*, 2010).

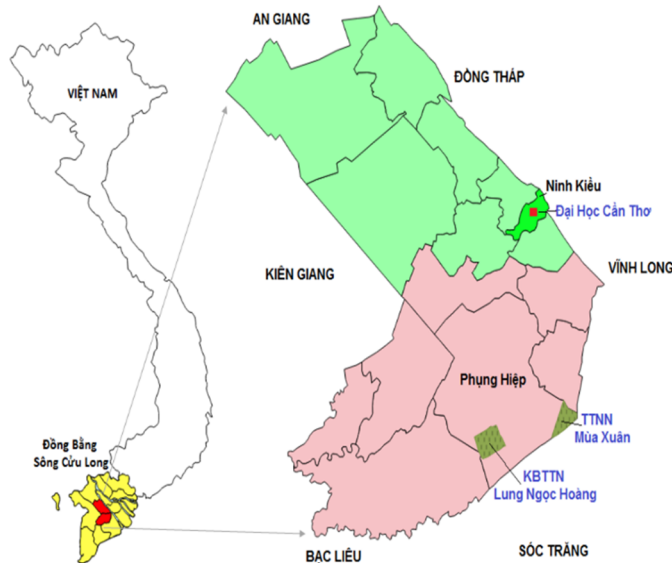
Lồng ghép hoạt động học tập trải nghiệm vào chương trình đào tạo là một trong các yêu cầu quan trọng của các trường đại học. Vì vậy, làm thế nào có thể tổ chức tốt hoạt động du lịch học tập cho sinh viên là yêu cầu cho cả nhà trường và ban quản lý điểm đến. Nghiên cứu này thực hiện thí điểm về thiết kế và tổ chức chuyên du lịch thuần túy và trải nghiệm nhằm đánh giá nhu cầu của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ về nhu cầu du lịch tại hai điểm đến. Điểm đến trong nghiên cứu này là Trung tâm nông nghiệp (TTNN) Mùa Xuân và Khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Lung Ngọc Hoàng thuộc tỉnh Hậu Giang, cách Trường Đại học Cần Thơ khoảng 40 km với các đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội phù hợp để tổ chức du lịch học tập. Nơi đây được

mệnh danh là “lá phổi xanh” của Đồng bằng sông Cửu Long, là hệ sinh thái rừng ngập nước tiêu biểu của tỉnh Hậu Giang.

Tổ chức du lịch học tập tại hai điểm đến trên vừa giúp sinh viên thực tập thực tế, tìm hiểu về các đặc điểm tự nhiên, văn hóa đặc trưng của vùng, có kiến thức và hành vi bảo vệ tài nguyên và môi trường tốt hơn. Kết quả nghiên cứu này giúp giảng viên ở trường đại học và ban quản lý các khu du lịch thiết kế và cung cấp dịch vụ du lịch học tập phù hợp nhất cho sinh viên ở các trường đại học.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sinh viên Trường Đại học Cần Thơ thuộc sáu ngành học Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị du lịch và lữ hành, Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch) đã được chọn thực hiện nghiên cứu nhằm đánh giá các bài học được thiết kế lồng ghép vào tour du lịch dự kiến ở hai điểm đến trên. Thời gian đi từ Trường Đại học Cần Thơ đến TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng từ 40 phút đến 1 giờ 20 phút (40 – 60 km) bằng xe máy hoặc ô tô. Vị trí của Trường Đại học Cần Thơ và hai điểm đến được đánh dấu trên bản đồ của Hình 1.



Hình 1: Vị trí KBTTN Lung Ngọc Hoàng, TTNN Mùa Xuân và Trường Đại học Cần Thơ

Thiết kế nghiên cứu hỗn hợp khám phá đã được sử dụng để thực hiện nghiên cứu này. Đầu tiên, nghiên cứu khám phá đã được thực hiện để tìm hiểu về điểm đến, đặc điểm sinh viên và thiết kế tour du lịch thuần túy và học tập. Sau đó, 330 sinh viên của 6 ngành từ khóa 39 – 41 được phỏng vấn về đặc điểm của sinh viên, yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu

du lịch học tập của sinh viên và lựa chọn hay ý định tham gia các tour du lịch dự kiến của sinh viên. Số sinh viên phỏng vấn được ước tính dựa theo công thức Slovin $n = \frac{N}{1+N(e)^2}$ (Subong, 2005), $e = 5\%$ và thực hiện phỏng vấn theo giờ học của sinh viên trong tuần tương ứng với tỷ lệ sĩ số của ngành và khóa tương ứng.

Trên cơ sở tổng hợp lý thuyết và thực nghiệm, 43 câu phát biểu được xây dựng theo hai dạng thang đo Likert, (1) Rất không đồng ý/ Rất không hài lòng, (2) Không hài lòng/ Không đồng ý, (3) Trung bình/ Không có ý kiến, (4) Đồng ý/ Hài lòng, (5) Rất đồng ý/ Rất hài lòng. Nội dung của các câu phát biểu gồm các yếu tố xã hội (Trần Thu Hà, 2005; Kotler, 2013), động cơ du lịch học tập (Maslow, 1987; Ritchie, 2003; Sangpikul, 2008; Sander, 2012; Strobl *et al.*, 2015), nhận thức về tầm quan trọng của du lịch học tập (Nguyễn Trần Hương Giang, 2008; Sander, 2012), nhân tố môi trường (Dolnicar, 2010; Đinh Kiệm, 2013; Strobl *et al.*, 2015), sự thu hút và an toàn của điểm đến (Đinh Thị Vân Chi, 2004; Lưu Thanh Đức Hải, 2012; Poupineau and Pouzadoux, 2013; Lucy, 2014) và nhân tố kinh tế (Proenca and Soukiazis, 2005; Wang and Davidson, 2010). Các câu phát biểu này và đặc điểm của sinh viên được sử dụng để tìm ra các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập và ý định tham gia các tour du lịch học tập dự kiến của sinh viên.

Phương pháp phân tích số liệu

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được sử dụng để loại bỏ các biến quan sát có mức độ tương quan thấp với các biến quan sát khác (các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 đã được loại bỏ) (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis, PCA) được sử dụng để giảm thiểu số lượng biến quan sát thành các thành phần chủ yếu không phân biệt đơn vị đo hay thang đo (Field, 2009). Các biến quan sát có hệ số tải nhân tố <0,5 bị loại bỏ sau bước xoay nhân tố (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Phân tích hồi quy Binary Logistic được sử dụng để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập thông qua ý định lựa chọn tham gia tour du

lich học tập hay du lịch thuần túy của sinh viên phỏng vấn (Bảng 4). Mô hình ước lượng như sau:

$$Y_i = \ln \frac{(P_i)}{(1-P_i)} = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \dots + \beta_i X_i$$

Trong đó, Y_i là lựa chọn loại hình du lịch của sinh viên ($Y_i = 1$: sinh viên chọn tour du lịch học tập; $Y_i = 0$: sinh viên chọn tour du lịch thuần túy); β_i là hệ số của các biến giải thích (X_i).

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm của sinh viên phỏng vấn

Trong 330 sinh viên phỏng vấn của sáu ngành ở Trường Đại học Cần Thơ, 49% số sinh viên phỏng vấn là nữ. Sinh viên khóa 39 (năm 3) chiếm 25,7%, khóa 40 (năm 2) chiếm 37,9% và sinh viên khóa 41 (năm 1) chiếm 36,4%. Về học lực, 60% sinh viên phỏng vấn đạt loại khá, 23% loại giỏi và 17% số sinh viên còn lại được xếp loại trung bình. Số sinh viên đi làm thêm chiếm 18% số sinh viên phỏng vấn nhằm trang trải cho chi phí sinh hoạt và học tập ngoài hỗ trợ của gia đình. Mức thu nhập bình quân tháng là 2,6 triệu đồng, cao nhất là 5 triệu đồng và thấp nhất là 1 triệu đồng. Các đặc điểm trên là các thông tin quan trọng của sinh viên thường ảnh hưởng đến ý định tham gia du lịch học tập hay của khách du lịch lựa chọn điểm đến (Maslow, 1987; Ritchie, 2003; Trần Thu Hà, 2005; Kotler, 2013).

3.2 Kinh nghiệm về du lịch và du lịch học tập của sinh viên Trường đại học Cần Thơ

Kết quả phỏng vấn cho thấy 48% sinh viên đi du lịch hơn 3 lần/năm và chỉ có 11% số sinh viên không đi du lịch trong năm 2016 – 2017. Sinh viên đi du lịch vào các dịp lễ, tết, cuối tuần và kết hợp với du lịch học tập hay thực tập môn học (24%). Sinh viên đã tìm hiểu thông tin du lịch chủ yếu từ quảng cáo, tiếp thị trên báo, đài và internet (41%) và người thân (34%).

Bảng 1: Loại hình du lịch sinh viên đã tham gia, ưa thích và dự kiến tham gia trong thời gian tới

Loại hình du lịch (n=330)	Đã tham gia (%)	Ưa thích (%)	Dự kiến tham gia trong thời gian tới (%)
Du lịch sinh thái	23	19	23
Du lịch nghỉ dưỡng	20	26	22
Du lịch trải nghiệm	28	28	24
Du lịch homestay	5	8	2
Du lịch kết hợp với nghiên cứu và học tập	24	19	29

Sinh viên ưa thích nhất loại hình du lịch trải nghiệm và du lịch nghỉ dưỡng. Du lịch học tập cũng là loại hình du lịch mà sinh viên quan tâm nhất và có dự định tham gia trong tương lai (Bảng 1). Sinh viên ít quan tâm đến loại hình du lịch homestay (là loại hình du lịch mà du khách sẽ ở chung và sinh hoạt chung với người dân địa phương như thành

viên trong gia đình, thông qua các hoạt động tập thể đó để trải nghiệm các giá trị sống và văn hóa của mảnh đất mà du khách đặt chân đến) và ít có dự định tham gia loại hình du lịch này trong thời gian tới (2% sinh viên phỏng vấn).

Vườn quốc gia Tràm Chim, rừng tràm Trà Sư, TTNN Mùa Xuân và KBTN Lung Ngọc Hoàng là

các điểm đến thực tập môn học của sinh viên. Ý kiến của sinh viên khi tham gia thực tập môn học là sinh viên thường chưa thật sự gắn kết lý thuyết đã học với thực tế của chuyến đi, thời gian chuyến đi ngắn và tốn kém chi phí.

3.3 Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Trong 43 câu phát biểu (thang đo Likert 5 mức độ) về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia du

lịch học tập, có 25 câu phát biểu phù hợp để giải thích kết quả phân tích thành phần chính (hệ số tương quan >0,3 của kiểm định Cronbach's Alpha và hệ số tải nhân tố >0,5 trong kết quả xoay nhân tố trong phân tích PCA). Kết quả phân tích thành phần chính (Bảng 2) cho thấy có sáu nhóm nhân tố được hình thành và kết quả phân tích phù hợp (KMO, Kaiser-Meyer-Olkin là 0,84 > 0,5) và đạt yêu cầu (Engenvalue là 1,02 > 1 và tổng phương sai trích là 60,73 > 50 (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008; Field, 2009).

Bảng 2: Ma trận xoay nhân tố

Tên biến quan sát	Nhóm nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
1. Thùng rác để nơi thuận tiện	0,73					
2. Khu homestay thoáng mát, gần gũi thiên nhiên	0,73					
3. Xuồng máy đầy đủ, sẵn sàng đáp ứng	0,69					
4. Nhà vệ sinh sạch sẽ	0,67					
5. Khu ăn uống rộng rãi	0,64					
6. Độ cao đài quan sát thích hợp để xem toàn cảnh	0,61					
7. An ninh tại khu bảo tồn		0,80				
8. Đài quan sát an toàn		0,73				
9. Có đầy đủ áo phao khi tham quan trên sông		0,73				
10. Có bảo hiểm cho chuyến đi		0,66				
11. Thực phẩm vệ sinh		0,55				
12. Mong muốn đúc kết được nhiều kinh nghiệm về học tập và cuộc sống sau chuyến đi			0,83			
13. Cùng cố thêm kiến thức qua quá trình thực nghiệm bằng du lịch học tập			0,74			
14. Nâng cao kỹ năng sống qua quá trình du lịch học tập (giao tiếp, xử lý tình huống,...)			0,74			
15. Khám phá những kiến thức mới trong quá trình du lịch học tập			0,67			
16. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người				0,81		
17. Ô nhiễm môi trường không chỉ ảnh hưởng đến đời sống động thực vật mà còn ảnh hưởng đến đời sống con người				0,74		
18. Những hành vi đào bới khoáng sản, chặt phá rừng, săn bắt muông thú bừa bãi là hành vi phá hoại môi trường				0,70		
19. Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất bao quanh con người, có ảnh hưởng tới sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên				0,63		
20. Thu nhập hàng tháng của sinh viên					0,82	
21. Chi tiêu hàng tháng của sinh viên (ngoài các chi tiêu ăn, ở, thì chi tiêu cho các hoạt động giải trí có ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của bạn)					0,78	
22. Giá của các dịch vụ trong tour					0,68	
23. Được quan sát cảnh đẹp trong rừng						0,80
24. Muốn thư giãn, nghỉ ngơi sau quá trình học tập căng thẳng						0,70
25. Nghiên cứu và quan sát động vật hoang dã						0,65
Tỷ lệ tích lũy của tổng phương sai	25,96	10,68	7,29	6,71	5,98	4,09
Giá trị riêng (Eigenvalue)	1,02					
Tổng phương sai trích	60,73					
Hệ số KMO	0,84					
Số quan sát	330					

Các nhân tố được đặt tên theo nội dung các thành phần của nhóm biến gồm đặc điểm thu hút của điểm đến (N₁), cơ sở vật chất phục vụ du lịch an toàn (N₂), nhận thức của sinh viên về du lịch học tập (N₃), kiến

thức của sinh viên về môi trường (N₄), yếu tố kinh tế (N₅, gồm giá tour du lịch, chi tiêu và thu nhập của sinh viên) và động cơ của sinh viên về du lịch học tập (N₆). Chi tiết về đặc điểm của nhóm nhân tố được trình bày ở Bảng 2 và 3.

Bảng 3: Nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của sinh viên từ phân tích thành phần chính

Nhóm nhân tố*	Tên nhân tố	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Đánh giá**
N ₁ (1-6)	Đặc điểm thu hút của điểm đến	3,7	0,9	Ảnh hưởng
N ₂ (7-11)	Cơ sở vật chất phục vụ du lịch an toàn	4,1	0,9	Ảnh hưởng
N ₃ (12-15)	Nhận thức về du lịch học tập	4,3	0,7	Rất ảnh hưởng
N ₄ (16-19)	Kiến thức môi trường	4,5	0,6	Rất đồng ý
N ₅ (20-22)	Kinh tế (giá tour, chi tiêu và thu nhập của sinh viên)	4,3	0,7	Rất ảnh hưởng
N ₆ (23-25)	Động cơ của sinh viên về du lịch học tập	4,0	0,8	Ảnh hưởng

Ghi chú: * Nhóm nhân tố theo thứ tự nhóm biến quan sát ở Bảng 2

** Cách đánh giá dựa vào thang đo Likert 5 mức độ: 1 - 1,8: rất không ảnh hưởng/ rất không đồng ý; 1,81 - 2,6: không ảnh hưởng/ không đồng ý; 2,61 - 3,4: trung lập; 3,41 - 4,2: ảnh hưởng/ đồng ý; 4,21 - 5: rất ảnh hưởng/ rất đồng ý

3.4 Phân tích yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia tour du lịch học tập bằng mô hình hồi quy Binary Logistic

Yếu tố ảnh hưởng tới ý định tham gia tour du lịch học tập được kiểm định bằng mô hình hồi quy Binary Logistic với Y=1: chọn tour du lịch học tập (76%) và Y=0: chọn tour du lịch thuần túy (24%).

Chi tiết về ý định tham gia các tour du lịch dự kiến của sinh viên được trình bày ở Bảng 4. Thời gian tổ chức các tour du lịch đều bắt đầu từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều trong ngày, khởi hành và kết thúc tại Trường Đại học Cần Thơ. Giá tour du lịch dự kiến là 330 ngàn đồng/sinh viên, gồm vé xe, tiền ăn sáng và trưa, vé vào cổng hai điểm du lịch và bảo hiểm chuyến đi.

Bảng 4: Ý định tham gia các tour du lịch dự kiến của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Các tour du lịch dự kiến	Đối tượng phỏng vấn		Lựa chọn tour du lịch	
	Ngành*	Số SV	Số SV	Tỷ lệ (%)
1. Thực hành hướng dẫn khách du lịch tại hai điểm đến	1 và 2	90	41	46
2. Thực hành cách tổ chức tour du lịch tại hai điểm đến	1 và 2	90	38	42
3. Định giá tài nguyên rừng	3 và 4	134	75	56
4. Phân tích hiệu quả các mô hình sản xuất nông nghiệp	3 và 4	134	82	61
5. Thực tập về hệ sinh thái rừng	5 và 6	106	37	35
6. Thực tập về sinh thái đất ngập nước	5 và 6	106	54	51
Tour du lịch học tập	6 ngành	330	252	76

Ghi chú: SV: sinh viên * Ngành phỏng vấn

1: Quản trị du lịch và lữ hành, 2: Việt Nam học, 3: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, 4: Kinh tế nông nghiệp, 5: Khoa học môi trường, 6: Quản lý tài nguyên và môi trường.

Các biến độc lập gồm đặc điểm của sinh viên (giới tính, học lực, khóa học, ngành học, mức thu nhập) và bảy nhóm nhân tố từ kết quả phân tích PCA (Bảng 5). Giá trị của bảy nhóm nhân tố là điểm giá trị nhân tố đại diện cho thành phần chính.

Kết quả phân tích cho thấy giới tính không ảnh hưởng đến xác suất lựa chọn tour du lịch học tập của sinh viên. Trong khi đó, sinh viên có học lực giỏi, sinh viên khóa 40 và 41, nhóm sinh viên ngành kinh tế và thu nhập của sinh viên có ảnh hưởng thuận với xác suất chọn tour du lịch học tập của sinh viên. Kết quả này rất phù hợp với thực tế. Sinh viên năm 3 quan tâm đến việc tham gia tour du lịch học tập do

đã học qua gần hết các môn chuyên ngành và các tour du lịch học tập cũng cần tổ chức trước khi sinh viên đi thực tập tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên nhóm ngành kinh tế (kinh tế nông nghiệp và kinh tế tài nguyên thiên nhiên) ít có nhu cầu du lịch học tập hơn bốn ngành học còn lại trong nghiên cứu này. Kết quả phân tích trên có nhiều điểm tương đồng với kết quả phân tích nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh trung học phổ thông tại hai điểm đến (Trần Thanh Tuyên và Ngô Thị Thanh Trúc, 2017) và các nghiên cứu của Ritchie (2003), Sander (2012) và Poupineau and Pouzadoux (2013).

Đặc điểm thu hút của điểm đến và cơ sở vật chất phục vụ du lịch an toàn là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến ý định chọn tour du lịch học tập của sinh viên. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Lee and Moscardo (2005), Kim et al. (2011) và Poupineau and Pouzadoux (2013). Ngoài ra, nhận

thức về du lịch học tập, động cơ về du lịch học tập và yếu tố kinh tế là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của sinh viên khi tham gia tour du lịch học tập (Proenca and Soukiazis, 2005; Wang and Davidson, 2010; Kotler, 2013).

Bảng 5: Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Biến	Tên biến	Hệ số Beta (B)	Sai số chuẩn (SE)
X ₁	Giới tính (1: Nam, 0: Nữ)	0,33 ^{ns}	0,31
X ₂	Học lực (1: giỏi, 0: khá và trung bình)	0,64 [*]	0,34
X ₃	Khóa học (1: Khóa 40 và 41, 0: Khóa 39)	0,89 ^{***}	0,39
X ₄	Ngành học (1: hai ngành kinh tế, 0: 4 ngành còn lại)	-0,70 [*]	0,35
X ₅	Thu nhập (triệu đồng/tháng)	1,00 ^{***}	0,24
N ₁	Đặc điểm thu hút của điểm đến	0,30 ^{***}	0,16
N ₂	Cơ sở vật chất phục vụ du lịch an toàn	0,53 ^{***}	0,16
N ₃	Nhận thức về du lịch học tập	0,25 ^{**}	0,15
N ₄	Kiến thức môi trường	0,02 ^{ns}	0,15
N ₅	Kinh tế	0,23 ^{**}	0,15
N ₆	Động cơ của du lịch học tập	0,18 [*]	0,16
	Hằng số	-0,41 ^{ns}	0,67
Số quan sát		330	
-2 log likelihood		302,18	
Hệ số Cox & Snell R ²		0,16	
Hệ số Nagelkerke R ²		0,25	

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1% và ns không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%

4 KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên đã xây dựng được thang đo về yếu tố ảnh hưởng đến ý định tham gia du lịch học tập sinh viên gồm 43 biến quan sát. Kết quả phân tích hồi quy Binary logistic cho thấy có chín nhân tố có ảnh hưởng đến ý định tham gia du lịch học tập của sinh viên.

Kỳ vọng của sinh viên về điểm đến (đài quan sát có độ cao phù hợp và an toàn, phòng trưng bày các loài động thực vật, có áo phao khi quan sát trên sông, đa dạng các loài động thực vật) và có cơ sở vật chất đầy đủ và an toàn (có trạm dừng chân giữa rừng, có đầy đủ phương tiện vận chuyển khách du lịch, có thùng rác và nhà vệ sinh) là các nhóm yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến ý định tham gia du lịch học tập. Vì vậy, để khai thác du lịch học tập hiệu quả, hai điểm đến cần trang bị cơ sở vật chất và sản phẩm du lịch theo các yêu cầu trên.

Đặc điểm thu hút của điểm đến là một trong các yếu tố quan trọng thu hút khách du lịch cũng như sinh viên lựa chọn nơi đi du lịch. TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng cần xác định nét đặc trưng để quảng bá cho hoạt động du lịch. Đầu tư cơ sở vật chất cho hai điểm đến cũng cần thiết và cần đảm bảo an toàn cho sinh viên thực tập. Sinh viên cũng cần hiểu rõ mục đích của chuyến đi để sinh viên có thái độ tốt hơn với chuyến du lịch học tập của mình. Ban quản lý hai điểm đến cần có kế hoạch

dài hạn khai thác du lịch học tập cho các trường ở Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả chân thành cảm ơn đóng góp của cô Dương Quế Nhu, Nguyễn Minh Hằng, Phạm Thiên Ngọc và Nguyễn Thị Diễm My cho nghiên cứu này. Một phần kinh phí thực hiện nghiên cứu này được hỗ trợ từ Đề tài “Quản lý, Bảo vệ và Phát triển Vườn Chim Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhuiyan, M. A. H., Islam, R., Siwar, C. and Ismail, S. M., 2010. Educational tourism and forest conservation: Diversification for child education. *Procedia Social and Behavioral Sciences*. 7(C): 19-23.
- Dolnicar, S., 2010. Identifying tourists with smaller environmental footprints. *Journal of Sustainable Tourism*. 18(6): 717-734.
- Đình Kiệt, 2013. Phát triển du lịch sinh thái ở các tỉnh vùng Duyên hải cực Nam Trung Bộ đến năm 2020. Luận án tiến sĩ. Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đình Thị Vân Chi, 2004. Nhu cầu của du khách trong quá trình du lịch. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin. Hà Nội, 219 trang.

- Field, A., 2009. *Discovering Statistics Using SPSS, Third Edition*. Sage Publications. London, 859 pages.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Tập 2*. Nhà xuất bản Hồng Đức. Thành phố Hồ Chí Minh, 191 trang.
- Kim, W. G., Kim, T., Gazzoli, G., Park, Y., Kim, S. H. and Park, S. S., 2011. Factors affecting the travel expenditure of visitors to Macau, China. *Tourism Economics*. 17(4), 857-883.
- Kotler, P., 2013. *Quản trị Marketing. Nhà xuất bản Lao động – Xã hội*. Hà Nội, 755 trang.
- Lee, W.H. and Moscardo, G., 2005. Understanding the impact of ecotourism resort experiences on tourists' environmental attitudes and behavioural intentions. *Journal of Sustainable Tourism*. 13(6): 546-565.
- Lucy, N. K. W., 2014. *An analysis of international tourism demand for Kenya*. Doctoral dissertation. Kenyatta University. Nairobi.
- Lưu Thanh Đức Hải, 2012. *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 22b: 231-241.
- Maslow, A. H., 1987. *Motivation and Personality, Third Edition*. Addison Wesley Longman, Inc. New York, 337 pages.
- Nguyễn Trần Hương Giang, 2008. *Những yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của học sinh THPT Marie Curie, quận 3, TP.HCM*. Luận văn cao học. Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Poupineau, S. and Pouzadoux, C., 2013. Internal and External factors that influence the ecotourists: A study on green consumer behavior, applied to ecotourism. Bachelor thesis. Halmstad University. Halmstad.
- Proenca, S. A. and Soukiazis, E., 2005. Demand for tourism in Portugal: A panel data approach. Center for European Union Studies. Discussion Paper. No. 25. 22 pages.
- Ritchie, B. W., 2003. *Managing educational tourism. Aspects of Tourism Book 10*. Channel View Publications. Clevedon, 304 pages.
- Sander, B., 2012. The importance of education in ecotourism ventures: lessons from Rara Avis ecolodge, Costa Rica. *International Journal of Sustainable Society*. 4(4): 389-404.
- Sangpikul, A., 2008. A critical review of ecotourism studies in Thailand. *Tourism Analysis*, 13(3): 281-293.
- Strobl, A., Teichmann, K., and Peters, M., 2015. Do mountain tourists demand ecotourism? Examining moderating influences in an Alpine tourism context. *Journal of Tourism*. 63(3): 383-398.
- Subong, P. E., 2005. *Statistics for research: applications in research, thesis and dissertation writing, and statistical data management using SPSS software*. Rex Book Store. Manila, 179 pages.
- Trần Thanh Tuyền và Ngô Thị Thanh Trúc, 2017. *Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại Trung Tâm Nông Nghiệp Mùa Xuân và Khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng*. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 15(8): 1115-1126.
- Trần Thu Hà, 2005. *Tâm lý học trong kinh doanh du lịch*. Nhà xuất bản Hà Nội. Hà Nội, 109 trang.
- Wang, Y., and Davidson, M. C., 2010. A review of micro-analyses of tourist expenditure. *Current Issues in Tourism*, 13(6): 507-524.